

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tao

2. Ông Nguyễn Q Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1987 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Z Tôn Thất Thuyết, Phường 3, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Mai Thành Q, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: X Khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Trần Thị Thanh L là nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Thanh L và ông Mai Thành Q sống chung với nhau từ năm 2007. Kết hôn năm 2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2013.

Khi kết hôn bà L và ông Q sinh sống tại địa chỉ 47/2 Khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc được một vài năm N1ng kể từ năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Q thiếu trách Nệm với vợ con, không lo chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cũng từ năm 2014 bà L cùng các con đã về nhà cha mẹ ruột của bà L để sinh sống.

Nay, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà L và ông Q có 02 con chung là Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 10/4/2008 (Nữ) và Mai Thị Tuyết N1, sinh ngày 13/7/2010 (Nữ). Hiện nay cả hai con đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà L không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để ông Mai Thành Q là bị đơn đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Q vẫn không có mặt mà không có lý do chính đáng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2013 thì bà Trần Thị Thanh L và ông Mai Thành Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L xin ly hôn ông Mai Thành Q. Ông Q có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, ông Mai Thành Q là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng N1 tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Q thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cũng trong năm 2014 thì bà L cùng các con đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông Q bỏ mặc bà L tự chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè thì Hội liên hiệp phụ nữ xã thị trấn Nhà Bè không nhận được đơn trình báo và không giải quyết vụ việc gì liên quan đến vợ chồng bà Trần Thị Thanh L và ông Mai Thành Q.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Thanh L và ông Mai Thành Q đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, ông Q mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc chứng tỏ ông Q cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Thanh L ly hôn ông Mai Thành Q là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Bà Trần Thị Thanh L và ông Mai Thành Q có 02 con chung là Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 10/4/2008 (Nữ) và Mai Thị Tuyết N1, sinh ngày 13/7/2010 (Nữ). Hiện nay con chung đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Bản ghi nhận nguyện vọng, cả trẻ N và trẻ N1 cũng muốn được ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao con chung là trẻ Mai Thị Tuyết N và trẻ Mai Thị Tuyết N1 cho bà L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

[2.5] Về nợ chung: Bà L xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà L phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0073654 ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh L được ly hôn ông Mai Thành Q.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 10/4/2008 (Nữ) và Mai Thị Tuyết N1, sinh ngày 13/7/2010 (Nữ) cho bà Trần Thị Thanh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Bà Trần Thị Thanh L có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Mai Thành Q đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Bà L xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà L phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0073654 ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mai Thành Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Long